

Số: 08 /TMBG-VTQT

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 5 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng trên thị trường

Hiện nay, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên đang có nhu cầu mua sắm một số loại hàng hóa phục vụ công tác chuyên môn (*chi tiết tại phụ lục đính kèm*). Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung ứng gửi thư chào giá, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu của thư chào giá bao gồm

- Danh mục hàng hóa, thông số kỹ thuật, hãng/nước sản xuất, quy cách, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, giá kê khai (nếu có) và thành tiền (Đơn giá đã bao gồm thuế VAT, các chi phí trọn gói để thực hiện gói mua sắm, chi phí vận chuyển,...), tiến độ cung cấp hàng hóa.

- Hiệu lực báo giá: tối thiểu 90 ngày.

2. Thời gian, thông tin đơn vị nhận báo giá:

- Thời gian nhận báo giá: trước 17h00 ngày 27/5/2024.

- Bộ phận nhận báo giá:

+ Bản cứng gửi về địa chỉ: Phòng Vật tư - Quản trị, Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên, số 34 Phạm Hùng, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

+ File mềm (word, excel) gửi vào hòm thư điện tử: vattuquantri.tihe@gmail.com

Quý đơn vị có thể chào giá toàn bộ hoặc một số danh mục theo khả năng cung ứng (*trong trường hợp không cung cấp được giá cho một số hạng mục, đề nghị đơn vị chào giá để trống, không thay đổi thứ tự cột, mục và điền giá theo đúng mẫu yêu cầu*).

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTĐT (đăng website);
- Lưu: VT, VTQT.



STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
2	SuperScript™ III One-Step RT-PCR System with Platinum™		Amphotericin B (Fungizone), HBSS IX. - Đạt chứng nhận: ISO 13485:2016 - Vận chuyển và bảo quản ở 2-25°C. - Hạn sử dụng: 1 năm kể từ ngày nhận hàng (bảo quản ở 2-8°C). - Enzym phiên mã ngược Platinum® Taq DNA polymerase và dung dịch đệm có đầy đủ các thành phần cho sinh học phân tử MgCl ₂ , dATP, dCTP, dGTP, dTTP; đệm phản ứng được tối ưu hóa và hệ thống có thể phát hiện nhiều loại mục tiêu RNA, từ 200 bp đến 4,5 kb. Lượng nguyên liệu ban đầu có thể nằm trong khoảng từ 0,01 pg đến 1 µg RNA tổng số -HSD > 24 tháng	500 phản ứng/gói	2								
3	SuperScript™ III One-Step RT-PCR System with Platinum™		-Enzym phiên mã ngược Platinum® Taq DNA polymerase và dung dịch đệm có đầy đủ các thành phần cho sinh học phân tử	100 phản ứng/gói	16								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chảo	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
4	Kit tách chiết ARN		MgCl ₂ , dATP, dCTP, dGTP, dTTP; đệm phân ứng được tối ưu hóa và hệ thống có thể phát hiện nhiều loại mục tiêu RNA, từ 200 bp đến 4,5 kb. Lượng nguyên liệu ban đầu có thể nằm trong khoảng từ 0,01 pg đến 1 µg RNA tổng số. - HSD > 24 tháng	250/ thùng	5								
5	Kit tách chiết ARN		- 50 cột, hóa chất ly giải ARN, ống thu ly tâm 2ml, đệm đi kèm, -HSD > 24 tháng	50/ thùng	4								
6	Cồn 100%		* Công thức hóa học: C ₂ H ₆ O; * Khối lượng phân tử: 46,07 g/mol; * Nhiệt độ sôi 78,3°C (1013 hPa); * Tỉ trọng 0,790 - 0,793 g/cm ³ (20°C); * Nhiệt độ nóng chảy - 114,5°C; * pH 7,0 (10 g/l, H ₂ O, 20°C);	1 lít/ chai	8								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chao	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
7	Nước tinh sạch		<p>- Nước cất UltraPure™ DNase/RNase-Free được thiết kế để sử dụng trong tất cả các ứng dụng sinh học phân tử.</p> <p>-Nước cất UltraPure DNase/RNase-Free (100 mL/chai)</p> <p>-Sản phẩm siêu tinh khiết, đã được lọc qua màng lọc 0,1 µm</p>	100 ml/ chai	5								
8	Cồn 70%		<p>-Dung dịch ethanol 70% và nước tinh khiết, trong suốt, không màu.</p> <p>-Đóng trong can có nắp đậy kín</p>	Lít	120								
9	Primer TCM: EV (EVR, EVF, EVP) - 02 bộ; CA6 (CA6F, CA6R, CA6P); CA10 (CA10R, CA10F, CA10P); CA16 (CA16R,		<p>Mỗi EV</p> <p>EV-F: TAC TTT GGG TGT CCG TGT TT</p> <p>EV-R: TGG CCA ATC CAA TAG</p>	Bộ/ 3 tube	6								



STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
	CA16F, CA16P); EV71 (EV71R, EV71F, EV71 probe)		EV-Probe: FAM-AYT GGC TGC TTA TGG TGA CRA T-BHQ1 Mỗi CA6 CA6-F: CAA GCT GCA GAA ACG GGA G CA6-R: GCT CCA CAC TCG CCT CAT T CA6-probe: FAM-ACC CCG TTT CGA TTC ATC ACA CA-BHQ1 Mỗi CA10 CA10-F: GAA ATG GRG TGT TGG AAA CCA CA10-R: TTT CTG CGR AGT TGG ACA AGG CA10-Probe: FAM-ATC AAC CAY TTC TTC TCY GGC TCT GG-TAMSp Mỗi CA16 CA16-F: CAA GTA YTA CCT ACR GCT GCC AA										

1



STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
			CA16-R: CAA CAC ACA TCT MGT CTC AAT GAG CA16-Probe: CY5- TAC CAG CAC TRC AAG CYG CCG AG , Primer/Probe EV71 EV71-F: ATG ATG GGY ACR TTC TCR GTG EV71-R: TTG CCC ACC TAA ATG GCC EV71-Probe: FAM- GAG RAT GAA GCA YGT CAG GGC RTGG-BHQ1; Nồng độ primer R, F: 50nm, probe nồng độ 20nm										
10	Primer/Probe cúm A (2 bộ), cúm B (2 bộ), A/H3, A/H1pdm09		Flu A: Môi xối: CAT GGA RTG GCT AAA GAC AAG ACC; Môi ngược: AGG GCA TTT TGG ACA AAK CGT CTA; Probe: 5' - FAM - TGC AGT CCT CGC TCA CTG GGC ACG -BHQ -1 -3': Flu B: Môi xối: TCC TCA ACT CAC TCT TCG AGC G; Môi ngược: CGG TGC TCT TGA CCA AAT TGG;	Bộ/ 3 tube	6								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú	
11	Mới Realtime PCR CoVid (gen E, N)		<p>Probel: 5' - FAM - CCA ATT CGA GCA GCT GAA ACT GCG GTG - BHQ - 1 - 3'</p> <p>HI pdm09: Mỗi xui: GTG CTA TAA ACA CCA GCC TYC CA; Mỗi ngược: CCG GAT ATT CCT TAA TCC TGT RGC; Probe: FAM - CA GAA TAT ACA "T"CC RGT CAC AAT TGG ARA A - BHO-1 - 3'</p> <p>H3: Mỗi xui: AAG CAT TCC YAA TGA CAA ACC; Mỗi ngược: ATT GCR CCR AAT ATG CCT CTA GT; Probel : FAM - CAG GAT CAC ATA TGG GSC CTG TCC CAG - BHO-1, Nồng độ primer R, F: 50nm, probe nồng độ 20nm</p> <p>E gen: EF1: ACAGGTACGTTAAT AGTTAATAAGCGT; ER2: ATATTGCAGCAGTA CGCACACA; EPI: FAM - ACACTAGCCATCCT TACTGCCGCTTCG - BBO</p>	Bộ/ 3 tube	2									

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
12	RIDASCREEN Rotavirus		-Xét nghiệm miễn dịch enzym để xác định Rotavirus trong mẫu phân, nước rửa 10X, tám microliter với 96 giếng (12 dài với 8 giếng có thể tháo rời mỗi dài), độ nhạy > 95%; độ đặc hiệu > 99%, -HSD > 24 tháng	96 giếng/ hộp	1								
13	ELISA IgM Rubella		-Xét nghiệm miễn dịch enzym để xác định Rotavirus trong mẫu phân, nước rửa 10X, tám microliter với 96 giếng (12 dài với 8 giếng có thể tháo rời mỗi dài), độ nhạy > 95%; độ đặc hiệu > 99%,	96 giếng/ hộp	1								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
14	ELISA IgM Sởi		-Xét nghiệm miễn dịch enzym để xác định virus Sởi trong huyết thanh, nước rửa 10X, tâm microtiter với 96 giếng (12 dài với 8 giếng có thể tháo rời mỗi dài), độ nhạy > 95%; độ đặc hiệu > 99%, -HSD > 24 tháng	96 giếng/ hộp	1								
15	Primer/Probe C.diphtheria : dip_rprobF,dip_r pobR,CdipHP; toxAF,toxAR, diptoxHP;Ulc_r pobF,Ulc_rprobR ,C.culcHP;		dip_rprobF: CGT TCG CAA AGA TTA CGG AAC CA dip_rprobR: CAC TCA GGC GTA CCA ATC AAC CdipHP:HEX\$-AGG TTC CCG GGC TTC TCG ATA TTC A- BHQ1 C.culcHP: FAM-CCA GCA GGA GGA GCT GGG TGA A-BHQ1 1 Ulc_rprobR: TCC AGG ATG TCT TCC AGT CC Ulc_rprobF: TTC GCA TGG CTC ATT GGC AC	9typ/bộ	1								

1



STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
16	Deoxycholate agar		<p>dipto:HP: ROX-HP-AAG GTA TAC AAA AGC CAA AAT CTG GTA CAC AAG G-BHQ2 toxAF:CTT TTC TTC GTA CCA CGG GAC TAA</p> <p>toxAR: CTA TAA AAC CCT TTC CAA TCA TCG TC</p> <p>Nồng độ Primer/Probe: 50nm</p>										
17	Blood Agar		<p>Thành phần: Peptone 10.0g; Lactose 10.0g; Sodium chloride 5g; Citrat sodium 2.0g; Deoxycholate sodium 5.0g; Agar 12.5g; -HSD > 24 tháng.</p>	Hộp/500g	1								
18	Cary-Blair		<p>-Thành phần: Proteose peptone 15 g; Liver digest 2.5g; Yeast extract 5.0g; Sodium chloride 5.0g; Agar 12.0;pH 7.4 ± 0.2; -HSD > 24 tháng</p>	Hộp	1								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
19	Tellurite Blood agar (Hoyle's agar)		- Thành phần: Disodium hydrogen phosphate: 1.10 g/l; Sodium thioglycollate: 1.50 g/l; Sodium chloride: 5.00 g/l; Agar: 5.00 g/l; pH: 8.4+-0.2; -HSD > 24 tháng	Hộp/500g	1								
20	Vitamino Growth Supplement		- Thành phần: Biopertone: 10.0 g/l; Sodium chloride: 5.0 g/l; Dipotassium hydrogen phosphate: 4.0 g/l; Corn starch: 1.0 g/l; Potassium dihydrogen phosphate: 1.0 g/l; Agar: 10.0 g/l, Ph: 7.2+-0.2; -HSD > 24 tháng	Hộp 5 lọ	1								
21	Dung dịch Potassium tellurite 1%		Thành phần: Potassium tellurite 1% (K ₂ TeO ₃)	Lọ /2ml	1								
22	Máu cừu		-Máu cừu toàn phần; -HSD: 03 tháng	Bịch/2500ml	1								
23	Sabouraud agar		- Thành phần: Mycological peptone 10.0g; Glucose (dextrose) 40.0g; Agar 15.0g; pH 5.6 ± 0.2; -HSD > 24 tháng.	Hộp/500g	1								
24	Nutrient agar		-Thành phần: Peptone:6.0g; Beef	Hộp/500g	1								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
25	MacConkey agar		-Thành phần: Peptone 20.0g; Lactose 10.0g; Sodium chloride 5g; Bile salts 1.5g; Neutral red 0.03g; Crystal violet 0.001g; Agar 15.0g; pH 7.1 ± 0.2; -HSD > 24 tháng.	Hộp/500g	1								
26	Kligler Iron agar		-Thành phần: Lab-Lemco' powder 3.0g; Yeast extract 3.0g; Peptone 20.0g; Sodium chloride 5.0g; Lactose 10.0g; Glucose 1.0g; Ferric citrate 0.3g; Sodium thiosulphate 0.3g; Phenol red 0.05g; Agar 12.0g; pH 7.4 ± 0.2; -HSD > 24 tháng.	Hộp/500g	1								
27	Gelatine		-Thành phần: Bovine Gelatin; -HSD > 24 tháng.	Chai/250ml	1								
28	Saccharose		-Công thức: C ₁₂ H ₂₂ O ₁₁ ; trọng lượng phân tử: 342.30 g/mol; -HSD > 24 tháng.	Chai/250ml	1								
29	Bộ nhuộm Gram		-Thành phần: Crystal Violet, Lugol, Alcohol	Bộ 4 chai 100ml	1								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
			- Hạn sử dụng: ≥06 tháng										
37	Kit tách chiết dùng cho mẫu Mô		- 50 cột, hóa chất ly giải ARN, ống thu ly tâm 2ml, đệm đi kèm, - HSD > 24 tháng	50 Kit/hộp	1								
38	TRIzol™ Reagent		Tách chiết RNA miRNA và Phân tích RNA không mã hóa Công nghệ cách ly: Chiết xuất hữu cơ Thời gian thanh lọc: 1 giờ. Thể tích rửa giải: 0,20 đến 600 µL	200ml/ chai	1								
39	Cồn 70%		Loại mẫu: Vi Khuẩn, Tế Bào, Thực Vật, Mô, Nấm Men Loại sản phẩm cuối cùng: Tổng số RNA, DNA, Protein Để sử dụng với (Ứng dụng): RT-PCR, qPCR, Dung dịch ethanol 70% và nước tinh khiết, trong suốt, không màu.	1 lít/chai	1								
40	Chloroform		- Thuốc thử để phân tích - Công thức : CHCl ₃ - Trọng lượng phân tử : 119,38 g/mol	1 lít/chai	1								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
41	Prime-Probe: Rabies N2 (RABV-N2) (Hoffman)		- Số CAS : 67-66-3 - Số EC : 200-663-8 - Chi số-Số : 602-006-00-4 - Mũi xuôi: GATCCCTGATGAYGT ATGTTCCCTA - Mũi ngược: RGATTCCGTAGCTR GTCCA - Đầu dò: FAM - CAGCAATGCAGTT YTTTGAGGGGAC - TAMRA - Nồng độ Primer/Probe: 50nm	Bộ/ 3 tube	1								
42	Prime-Probe: Gene β -actin người		- Mũi xuôi β -actin: AAGCATTTGC GGTGGAC - Đầu dò β -actin: (HEX)- TCCACCTTCCAGCA GATGTGGATCA- (BHQ1)	Bộ/ 3 tube	1								
43	GoScript™ Reverse Transcription		Sinh phẩm phiên mã ngược, Bao gồm GoScript™ Reverse Transcriptase, Reaction	100 phần ứng/bộ	1								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
51	Agarose 500G/Promega (V3125)		Sinh phẩm điện di ADN trên gel Agarose:	500g/chai	1								
52	TBE 10X/Promega (V4251)		- Sinh phẩm điện di ADN trên gel Agarose, - Thành phần: Tris-borat 890mM, axit boric 890mM, EDTA 20mM.	1000ml/chai	1								
53	SYBRO DNA GEL STAIN 10,000x/Invitrogen		- Sinh phẩm điện di ADN trên gel Agarose. - Được cung cấp dưới dạng chất cô đặc 10.000X trong DMSO	400ul/ tube	1								
54	Thang DNA chuẩn(100bp)		- Sinh phẩm điện di ADN	400ul/ tube	1								
55	Cồn tuyệt đối 100%		* Công thức hóa học: C ₂ H ₆ O; * Khối lượng phân tử: 46,07 g/mol; * Nhiệt độ sôi 78,3°C (1013 hPa); * Tỉ trọng 0.790 - 0.793 g/cm ³ (20°C); * Nhiệt độ nóng chảy - 114,5°C; * pH 7,0 (10 g/l, H ₂ O, 20°C); * Độ tinh sạch ≥ 99,9%; H ₂ O ≤ 0,1%;	1000ml/ chai	1								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
			* Quy cách: 1 lít/chai. 100% Ethanol, chai 2,5 lít, HSD > 24 tháng										
56	Primer cho cDNA		AN32 5' GTY TGC CA 3' AN33 5' GAY TGC CA 3' AN34 5' CCR TCR TA 3' AN35 5' RCT YTG CCA 3'	4 tube đông khô/bộ	1								
57	Primer cho PCR	1	SO224 5' GCI ATG YTI GGI ACI CAY RT 3' SO222 5' C ICC IGG IGG IAY RWA CAT 3'	2 tube đông khô/bộ	1								
58	Primer cho PCR	2	AN89 5' CCA GCA CTG ACA GCA GYN GAR AYN GG 3' AN88 5' TAC TGG ACC ACC TGG NGG NAY RWA CAT 3'	2 tube đông khô/bộ	1								
II. Phụ lục 2: Vật tư tiêu hao													
1	Tăm bông lấy mẫu họng		Vô trùng, cán nhựa cứng, đầu là bông không thấm, từng que riêng biệt, HSD: > 24 tháng	50 que/hộp	10								
2	Tăm bông lấy mẫu hậu môn		-Vô trùng, cán nhựa cứng, đầu lông là sợi	50 que/hộp	12								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
9	Trang phục bảo hộ		- Bộ trang phục phòng chống dịch cấp độ 2 - 7 môn - vải không dệt PPE 40 (kính chắn mặt , găng tay Qilila , Khẩu trang N95 Qilila), - HSD: > 24 tháng	50 bộ / thùng.	4								
10	Găng tay size M (không bột)		- Không có bột, size M, 100 cái/hộp, - HSD: > 24 tháng	10 hộp/ thùng	13								
11	Dầu côn 1000µl có lọc		- Nhựa vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có filter lọc, hút thể tích từ 100 - 1.000µl, 96 cái/hộp; sử dụng được nhiều loại micropipet, - HSD: > 24 tháng	96cái/ hộp	145								
12	Dầu côn 200µl có lọc		- Nhựa vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có filter lọc, hút thể tích từ 10 - 200µl, 96 cái/hộp, sử dụng được nhiều loại micropipet, - HSD: > 24 tháng	96cái/ hộp	85								
13	Dầu côn 100µl có lọc		- Nhựa vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có filter lọc, hút thể tích từ 10 - 100µl, 96 cái/hộp, sử dụng được nhiều loại micropipet,	96cái/ hộp	55								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chao	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
			- HSD > 24 tháng										
14	Đầu côn 20µl có lọc		-Nhựa vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có filter lọc, hút thể tích từ 1 - 20µl, 96 cái/hộp, sử dụng được nhiều loại micropipet, - HSD: > 24 tháng	96cái/ hộp	75								
15	Đầu côn 10µl có lọc		- Nhựa vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có filter lọc, hút thể tích từ 0,1 - 10µl, 96 cái/hộp, sử dụng được nhiều loại micropipet, - HSD: > 24 tháng	96cái/ hộp	82								
16	Dây Strip 8, loại 0,1ml (có nắp sẵn)		- Dây 8, vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có nắp sẵn, chịu nhiệt > 120 độ, - HSD > 24 tháng	300 strip/ hộp	6								
17	Dây Strip 8, loại 0,2ml (có nắp sẵn)		- Dây 8, vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có nắp sẵn, chịu nhiệt > 120 độ, - HSD > 24 tháng	300 strip/ hộp	6								
18	Hộp lưu mẫu cyotube 1,8ml, 100 vị trí		Nhựa cứng, có nắp đậy khít (nắp đóng - mở, có khóa khóa), để mở, chịu nhiệt từ âm 160 đến	100 lõi/hộp	140								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
19	Giấy thấm vuông		đường 120 độ, lỗ đảm bảo ống đến 2ml, 100 lỗ Dai, độ thấm hút cao.	100 tờ/gói	121								
20	Ổng nghiệm nhựa có nắp 15ml		Nhựa trong suốt, vô trùng, chịu lực quay ly tâm đến 8.000 vòng/phút, nắp đậy kín, 500 cái/gói	50cái/ gói	10								
21	Khẩu trang than hoạt tính		Cấu tạo 5 lớp, có chứa than hoạt tính, khử mùi, khử độc, ngăn bụi mịn	Cái	20								
22	Túi rác vàng		Túi rác thải y tế có vách ngăn, có dây buộc, chịu nhiệt 180 độ khi hấp khử trùng	Kg	33								
23	Túi rác BSC		Túi nylon thể tích 2kg, sử dụng đựng rác thải trong tủ BSC	Kg	12								
24	Túi rác đen		Túi rác thải y tế có vách ngăn, có dây buộc, chịu nhiệt 180 độ khi hấp khử trùng	Kg	9								
25	Túi rác xanh		Túi rác xanh	Kg	18								
26	Đĩa petri vô trùng 90mm		Nhựa cứng, vô trùng, đường kính 9cm, dùng để đựng môi trường nuôi cấy vi sinh	Thùng	1								
27	Giấy chỉ thị nhiệt		Băng keo kích thước 50x19mm, là một loại Chỉ thị hóa học, dùng để dán cổ đinh bên ngoài các gói dụng cụ cần tiệt khuẩn	Cuộn	2								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
28	Que cấy nhựa vô trùng		Nhựa PS đã được vô trùng. 1 que nhựa cấy gồm 1 đầu vòng và 1 đầu thẳng thuận tiện trong việc nuôi cấy và cò 10ul	Cái	200								
29	Giấy nhôm		Tối thiểu > 10m, bản ngang 20 - 30cm Với lượng khí CO ₂ tạo ra, sản phẩm dùng để nuôi cấy kỵ khí nhanh hơn mà không cần nước hoặc chất xúc tác	Cuộn	2								
30	Túi kỵ khí			Túi	2								
31	Viên nén PRESEFT		- Thành phần: Natri Dichloroisocyanurate khan 50%, Adipic Acid 22.5%, các thành phần khác 27.5% - Tác dụng: Diệt khuẩn nhanh, phổ tác dụng rộng có tác dụng đối với tất cả các loại vi khuẩn sinh dưỡng, nấm, virus và nha bào. Sử dụng để khử khuẩn bề mặt và các thiết bị labo xét nghiệm.	Viên	200								
32	Nước rửa chén			Chai 500ml	20								
33	Xà bông Omo			Bịch 500g	15								
34	Găng tay cao su dày, dài		100% cao su thiên nhiên, lòng bàn tay có gai chống trơn, găng dài tới khuỷu tay, bảo vệ	Đôi	20								



STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
			tay trong MT acid nhẹ, kiềm nhẹ và nước.										
35	Túi nilong dày		Túi trong suốt dày size lớn kích thước 60x80cm, dùng cho nôi hấp tiết trùng	Kg	40								
36	Cồn 70 độ		Dung dịch ethanol 70% và nước tinh khiết, trong suốt, không màu.	Lít	40								
				Chai 500 ml	10								
37	Ông lưu mẫu		- Ông nhựa Polypropylene, tự đứng, thể tích 2ml. - Nắp xoáy ngoài, có gioăng cao su, tiết trùng, có vùng ghi mã số màu trắng, có vạch chia thể tích rõ ràng. - Nắp riêng, ông riêng - Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ thường	50 Cái/túi	20								
38	Bình xịt nhựa		Bình xịt bằng nhựa đựng cồn dùng sát khuẩn trong PXN, dung tích 500ml, có vòi xịt	Cái	10								
39	Hộp an toàn đựng bom kim tiêm		Hộp an toàn đựng vật sắc nhọn được dùng chứa chất thải sắc nhọn nguy hiểm như bom kim tiêm. - Màu sắc: vàng	Cái	10								

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng	Hãng/ Nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
40	Bom kim tiêm 3cc 23G x 1"		Chất liệu: thép không rỉ, có độ cứng cơ khí và không bị oxi hoá	100 cái/hộp	7								
41	Ông nghiệm nhựa trắng có nắp 5ml		Nhựa trong suốt, vô trùng, chịu lực quay ly tâm 8.000 vòng/ phút, thể tích chứa 5ml, gói 500 cái.	Gói 500 cái	3								
42	Bông thấm nước		Loại bông thấm nước dùng trong y tế	500g/túi	10								

Tổng cộng 100 danh mục./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên

Theo yêu cầu của Quý đơn vị tại Thư mời chào giá số 08/TMCG-VTQT ngày 17/5/2024, chúng tôi xin gửi bảng báo giá như sau:

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/ Quý cách đóng gói	Số lượng	Hãng/ nước sản xuất	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Giá kê khai (nếu có)	Thành tiền	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1													
2													
...													

Ghi chú:

* Thời gian có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày cung cấp báo giá.

* Quý đơn vị có thể chào giá toàn bộ hoặc một số danh mục theo khả năng cung ứng (trong trường hợp không cung cấp được giá cho một số hàng mục, đề nghị đơn vị chào giá đề trình, không thay đổi thứ tự cột, mục và điền giá theo đúng mẫu yêu cầu).